SAO Y; ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ AN THỚI ĐÔNG;
Thời gian ký: 2026-09-14T10:06:27+07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN **XÃ AN THỚI ĐÔNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 1364 /QĐ-UBND	*An Thới Đông, ngày 14 tháng 9 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt dự án Cải tạo hành lang rạch, chống ô nhiễm 2 bên rạch Bà Tùng ấp Quảng Xuyên

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ AN THỚI ĐÔNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Xây dựng số 135/2025/QH15 ngày 10 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23 tháng 6 năm 2023, được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Luật số 57/2024/QH15, Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 206/2026/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 207/2026/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của luật xây dựng về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 217/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của luật xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 8 năm 2025 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Văn bản số 3732/UBND-DA ngày 13 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về danh mục dự án và dự kiến mức vốn hỗ trợ cho các xã, phường, đặc khu trong dự kiến Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030;

Căn cứ Quyết định số 3321/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc ủy quyền quyết định đầu tư đối với dự án đầu tư công thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố;

Căn cứ Quyết định số 2071/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân xã An Thới Đông về giao kế hoạch đầu tư công năm 2026 nguồn vốn ngân sách Thành phố bổ sung có mục tiêu cho ngân sách xã;

Căn cứ Quyết định số 1822/QĐ-UBND ngày 20 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân xã An Thới Đông về việc giao nhiệm vụ lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư các dự án đầu tư công;

Căn cứ Quyết định số 1436/QĐ-UBND ngày 03 tháng 10 năm 2025 của Ủy ban nhân dân xã về thành lập Tổ quản lý các dự án do Ủy ban nhân dân xã tiếp nhận, quản lý, thực hiện nhiệm vụ chủ đầu tư;

Căn cứ Quyết định số 1945/QĐ-UBND ngày 15 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân xã An Thới Đông về chủ trương đầu tư dự án Cải tạo hành lang rạch, chống ô nhiễm 2 bên rạch Bà Tùng ấp Quảng Xuyên;

Căn cứ Quyết định số 619/QĐ-UBND ngày 07 tháng 5 năm 2026 của Ủy ban nhân dân xã An Thới Đông về phê duyệt dự toán giai đoạn chuẩn bị đầu tư dự án Cải tạo hành lang rạch, chống ô nhiễm 2 bên rạch Bà Tùng ấp Quảng Xuyên;

Căn cứ Quyết định số 632/QĐ-UBND ngày 08 tháng 5 năm 2026 của Ủy ban nhân dân xã An Thới Đông về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án Cải tạo hành lang rạch, chống ô nhiễm 2 bên rạch Bà Tùng ấp Quảng Xuyên;

Căn cứ Hồ sơ Báo cáo kinh tế kỹ thuật ngày 30 tháng 7 năm 2026 của Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Phạm Uyên về thuyết minh Báo cáo kinh tế kỹ thuật dự án Cải tạo hành lang rạch, chống ô nhiễm 2 bên rạch Bà Tùng ấp Quảng Xuyên;

Căn cứ Báo cáo kết quả thẩm tra số 05.8/BCTT-HGP ngày 05 tháng 8 năm 2026 của Công ty TNHH Thiết kế Đầu tư Xây dựng Hưng Gia Phát về thẩm tra Báo cáo kinh tế kỹ thuật dự án Cải tạo hành lang rạch, chống ô nhiễm 2 bên rạch Bà Tùng ấp Quảng Xuyên;

Căn cứ Công văn số 4207/UBND-CĐT ngày 03 tháng 9 năm 2026 của Ủy ban nhân dân xã An Thới Đông về thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật dự án Cải tạo hành lang rạch, chống ô nhiễm 2 bên rạch Bà Tùng ấp Quảng Xuyên;

Xét kết quả thẩm định của Phòng Kinh tế tại Công văn số 2961/KT ngày 14 tháng 9 năm 2026 về việc thông báo kết quả thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật dự án Cải tạo hành lang rạch, chống ô nhiễm 2 bên rạch Bà Tùng ấp Quảng Xuyên.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án Cải tạo hành lang rạch, chống ô nhiễm 2 bên rạch Bà Tùng ấp Quảng Xuyên với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên dự án: Cải tạo hành lang rạch, chống ô nhiễm 2 bên rạch Bà Tùng ấp Quảng Xuyên

2. Loại, nhóm dự án; loại, cấp công trình chính của dự án; thời hạn sử dụng của công trình chính theo thiết kế:

- Nhóm dự án: Nhóm C.

- Loại và cấp công trình: Công trình hạ tầng kỹ thuật, cấp IV.

- Thời hạn sử dụng của công trình chính theo thiết kế: Theo quy định.

3. Mã định danh: 8177170

4. Địa điểm xây dựng dự án; diện tích sử dụng đất của dự án:

- Địa điểm xây dựng dự án: Xã An Thới Đông, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Diện tích sử dụng đất của dự án: 2.329,22m²

5. Người quyết định đầu tư: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã An Thới Đông

6. Chủ đầu tư: Ủy ban nhân dân xã An Thới Đông

7. Nhà thầu tư vấn lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật, khảo sát xây dựng; Nhà thầu tư vấn thẩm tra báo cáo kinh tế kỹ thuật:

- Nhà thầu tư vấn lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật, khảo sát xây dựng: Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Phạm Uyên. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên, mã số doanh nghiệp 0316379507 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 13/7/2020, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 21/9/2025

- Nhà thầu tư vấn thẩm tra báo cáo kinh tế kỹ thuật: Công ty TNHH Thiết kế Đầu tư Xây dựng Hưng Gia Phát. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, mã số doanh nghiệp 0317597804 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 08/12/2022, đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 07/10/2025.

8. Mục tiêu dự án

Việc đầu tư dự án Cải tạo hành lang rạch, chống ô nhiễm 2 bên rạch Bà Tùng ấp Quảng Xuyên nhằm chỉnh trang cảnh quan hành lang 2 bên rạch, đảm bảo tiêu thoát nước, vệ sinh môi trường, mỹ quan đô thị, tạo điểm sinh hoạt thể dục thể thao, vui chơi, giải trí cho người dân tại địa phương.

9. Quy mô đầu tư xây dựng:

9.1. Quy mô công suất, khả năng phục vụ:

Dự án Cải tạo hành lang rạch, chống ô nhiễm 2 bên rạch Bà Tùng ấp Quảng Xuyên nhằm chỉnh trang cảnh quan khu vực, cải thiện điều kiện vệ sinh môi trường, chống ô nhiễm và bảo đảm khả năng tiêu thoát nước của tuyến rạch. Sau khi hoàn thành, công trình góp phần nâng cao mỹ quan khu vực, bảo vệ hành lang rạch, tạo không gian sinh hoạt cộng đồng, thể dục thể thao, vui chơi giải trí phục vụ người dân địa phương, đồng thời từng bước hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật và nâng cao chất lượng môi trường sống trong khu vực.

9.2. Một số chỉ tiêu, thông số chính thể hiện quy mô kết cấu, giải pháp kỹ thuật

- Loại công trình: Công trình hạ tầng kỹ thuật.

- Cấp công trình: Cấp IV.

- Nhóm dự án: Nhóm C.

- Phạm vi đầu tư khoảng 164m hành lang hai bên rạch Bà Tùng, từ bờ kè giáp sông Soài Rạp đến khu dân cư, với diện tích khoảng 2.329,22m², gồm 04 khu đất.

- Quy mô xây dựng gồm: san lấp hành lang hai bên rạch; lát gạch Terrazzo; trồng cây cảnh trổ hoa và cây xanh bóng mát; cắm mốc bảo vệ đất công; xây dựng lan can bảo vệ và các hạng mục phụ trợ theo hồ sơ thiết kế.

- Giải pháp thiết kế:

❖ Bình đồ, bề rộng mặt cắt ngang:

Bình đồ tuyến bám theo 2 bên rạch Bà Tùng hiện hữu là các khu đất công có tổng diện tích đất là 2.329,22m2. Cụ thể:

+ Khu đất 1 là khu đất công có diện tích là 1.118,77m2 nằm phía bên trái Rạch Bà Tùng giáp với bờ kè BTCT; có bề rộng từ 11,21 ÷ 29,09m.

+ Khu đất 2 là khu đất công có diện tích là 540,64m2 nằm phía bên phải Rạch Bà Tùng giáp với bờ kè BTCT; có bề rộng từ 1,83 ÷ 9,91m.

+ Khu đất 3 là khu đất công có diện tích là 385,22m2 nằm phía bên phải Rạch Bà Tùng giáp với cầu Bà Tùng; có bề rộng từ 6,83 ÷ 9,16m.

+ Khu đất 4 là khu đất công có diện tích là 284,59m2 nằm phía bên phải Rạch Bà Tùng giáp với cầu Bà Tùng; có bề rộng từ 1,88 ÷ 3,32m.

❖ Cao độ thiết kế:

+ Cao độ đáy lớp kết cấu vỉa hè yêu cầu cao hơn nước đọng thường xuyên +0,5m

+ Để kết cấu sân nền có chế độ thủy nhiệt tốt khi hoạt động phù hợp với quy trình thiết kế, chọn Cao độ thiết kế = +2,20m (theo hệ cao độ Quốc gia – hệ Hòn Dấu).

❖ Kết cấu:

▪ Kết cấu vỉa hè, sân nền:

+ Lát gạch Terrazzo kích thước 40x40cm;

+ Lớp vữa M75 dày 2cm;

+ Bê tông cốt thép đá 1x2 M200 dày 20cm;

+ Cấp phối đá dăm lớp trên dày 18cm, K≥0,98;

+ Cấp phối đá dăm lớp dưới dày 20cm, K≥0,98;

+ Trải vải địa kỹ thuật phân cách TS50;

+ Đắp cát san lấp đầm chặt, K≥0,95;

+ Trải vải địa kỹ thuật phân cách TS50;

+ Đào bóc hữu cơ dày trung bình 80cm, đắp bù bằng cát san lấp, K≥0,95;

▪ Xây tường bó nền bằng gạch không nung 8x8x19 vữa XM M100 trên hệ dầm, cột bê tông cốt thép đá 1x2 M250, Móng đơn BTCT đá 1x2 M250, kết cấu móng được gia cố bằng cừ tràm Ø8-10cm, L=4m, mật độ 25 cây/m2, lớp cát đệm đầu cừ và lớp bê tông đá 4x6 M150 tại những vị trí giáp ranh với các hộ dân có cao độ thấp trũng; những vị trí giáp ranh với các hộ dân còn lại đổ bó nền bằng bê tông xi măng đá 1x2 M200; tại những vị trí giáp thành mương, khu vực cây xanh và bồn trồng cây đổ bó nền bằng bê tông cốt thép đá 1x2 M200.

▪ Kết cấu bó vỉa (tham khảo mẫu bó vỉa hè loại 6 theo Quyết định số 1762/QĐ-SGTVT ngày 16/9/2009 của Sở Giao thông Vận tải thành phố):

- Bê tông xi măng đá 1x2 M300
- Bê tông lót đá 1x2 M150 dày 6cm

▪ Xây dựng trụ mốc bảo vệ đất công: Trụ bê tông cốt thép đá 1x2 M250, lan can bằng ống thép mạ kẽm D60mm.

▪ Lắp đặt lan can thép (nhúng kẽm) trên đỉnh thành mương 2 bên. Bố trí dọc theo chiều dài rạch.

▪ Trồng cây xanh bóng mát và cây cảnh trổ hoa.

10. Danh mục quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn áp dụng:

12.1. Thiết kế xây dựng – quy hoạch xây dựng

a) Phần quy chuẩn, tiêu chuẩn chung

STT	Tiêu chuẩn	
1	Quy chuẩn xây dựng Việt Nam - Quy hoạch Xây dựng	QCVN 01:2021/BXD
2	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về số liệu điều kiện tự nhiên trong xây dựng.	QCVN 02:2022/BXD
3	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về thép làm cốt bê tông	QCVN 07:2019/BKHCN
4	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia – Phân loại, phân cấp công trình, xây dựng dân dụng, công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật đô thị	QCVN 03:2022/BXD
5	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia các công trình hạ tầng kỹ thuật	QCVN 07-2023/BXD
6	Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về An toàn trong xây dựng	QCVN 18:2021/BXD

b) Thiết kế

STT	Tiêu chuẩn	
1	Quy chuẩn xây dựng Việt Nam – Quy hoạch Xây dựng	QCVN 01:2021/BXD
2	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật	QCVN 07:2023/BXD
3	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Phân cấp công trình phục vụ thiết kế xây dựng	QCVN 03:2022/BXD
4	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về xây dựng công trình đảm bảo người khuyết tật tiếp cận sử dụng	QCVN 10:2014/BXD
5	Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng	QCVN 16:2023/BXD
6	Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về thép làm cốt bê tông	QCVN 7:2019/BKHCN
7	Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về An toàn trong xây dựng	QCVN 18:2014/BXD

STT	Tiêu chuẩn	
8	Đường và hè phố - nguyên tắc cơ bản để xây dựng công trình 1 để đảm bảo người tàn tật tiếp cận sử dụng	TCXDVN 265-2002
9	Kết cấu bê tông cốt thép. Tiêu chuẩn thiết kế	TCVN 5574:2012
10	Tiêu chuẩn tải trọng và tác động	TCVN 2737:2023

12.2. Tiêu chuẩn thi công và nghiệm thu

STT	Tiêu chuẩn	
1	Công trình xây dựng - Tổ chức thi công	TCVN 4055:2012
2	Quy trình lập thiết kế tổ chức xây dựng và thiết kế tổ chức thi công	TCVN 4252:2012
3	Quản lý chất lượng xây lắp công trình - Nguyên tắc cơ bản	TCVN 5637:1991
4	Công tác đất - Qui phạm thi công và nghiệm thu	TCVN 4447:2012
5	Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép toàn khối - Quy phạm thi công và nghiệm thu	TCVN 4453:1995
6	Quy trình nén đất, đá dăm trong phòng thí nghiệm	22TCN 333-06
7	Lớp móng cấp phối đá dăm trong kết cấu áo đường	TCVN 8859:2023
8	Công tác nền móng - Thi công và nghiệm thu	TCVN 9361:2012
9	Bê tông - Yêu cầu bảo dưỡng ẩm tự nhiên	TCVN 8828:2011
10	Kết cấu gạch đá - tiêu chuẩn thi công và nghiệm thu	TCVN 4085:2011
11	Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép lắp ghép – Qui phạm thi công và nghiệm thu	TCVN 9115:2012
12	Sơn và Vecni - bảo vệ chống ăn mòn kết cấu thép bằng các hệ sơn phủ	TCVN 12705-2019
13	Sơn bảo vệ kết cấu thép – Quy trình thi công và nghiệm thu	TCVN 8790:2011
14	Kết cấu BT và BTCT, điều kiện thi công và nghiệm thu	TCVN 5724-93
15	Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép - Yêu cầu chung về thiết kế độ bền lâu và tuổi thọ trong môi trường xâm thực	TCVN 12041:2017
16	Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép, Hướng dẫn phòng chống nứt dưới tác động của khí hậu nóng ẩm	TCVN 9345-2012
17	Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép, Hướng dẫn công tác bảo trì	TCVN 9343-2012
18	Kết cấu BTCT- Phương pháp điện từ xác định chiều dày lớp bê tông bảo vệ và đường kính cốt thép	TCVN 9356:2012

STT	Tiêu chuẩn	
19	Công tác hoàn thiện trong XD-TC và nghiệm thu	TCVN 9377-1:2012

12.3. Tiêu chuẩn vật liệu và phương pháp thử

STT	Tiêu chuẩn	
1	Vật liệu nền, móng mặt đường - Phương pháp thí nghiệm xác định chỉ số CBR trong phòng thí nghiệm	TCVN 12792:2020
2	Phương pháp xác định chỉ số CBR nền đất và móng đường bằng vật liệu rời ngoài hiện trường	TCVN 8821:2011
3	Đất, đá dăm dùng trong công trình giao thông – Đầm nén Proctor	TCVN 12790:2020
4	Vải địa kỹ thuật - Phương pháp thử	TCVN 8871-2011
5	Tiêu chuẩn vải địa kỹ thuật	
	Lực kéo đứt	ASTM D4595
	Khả năng thoát nước dưới áp suất 10kPa, gradient thủy lực i= 0,5	ASTM D4716
	Hệ số thấm của vỏ lọc	ASTM D4491
	Chiều rộng	ASTM D3774
	Khả năng chịu nén	ASTM D1621
	Lực kéo đứt, độ giãn dài	ASTM D882
	Lực kháng xé	ASTM D624
	Sức kháng áp lực thủy tĩnh	ASTM D5385
	Độ thấm nước dưới áp lực thủy tĩnh tại 100kPa	ASTM D5048
6	Quy trình thí nghiệm xác định cường độ kéo khi ép chẻ của vật liệu hạt liên kết bằng các chất kết dính	TCVN 8862:2011
7	Kết cấu gạch đá và gạch đá cốt thép - Tiêu chuẩn thiết kế	TCVN 5573:2025
8	Gạch Terrazzo	TCVN 7744:2013
9	Xi măng – danh mục chỉ tiêu chất lượng	TCVN 4745-2005
10	Xi măng Poocläng – Yêu cầu kỹ thuật	TCVN 2682:2020
11	Ximăng Poocläng hỗn hợp	TCVN 6260:2020
12	Cốt liệu cho bê tông và vữa – PP thử	TCVN 7572-1÷20:2006 TCVN 7572-21÷22:2018
13	Bê tông và vật liệu làm bê tông – Thuật ngữ và định nghĩa	TCXDVN 191-1996
14	Phụ gia hóa học cho bê tông	TCVN 8826-2011

STT	Tiêu chuẩn	
15	Quy định yêu cầu kỹ thuật đối với nước trộn bê tông và vữa xây dựng	TCXDVN 302:2004
16	Vữa xây dựng – yêu cầu kỹ thuật	TCVN 4314:2022
17	Mạ kẽm nhúng nóng	ASTM A123/A123M
18	Thép cốt bê tông cán nóng	TCVN 1651:2018
19	Thép và sản phẩm thép. Yêu cầu kỹ thuật chung khi cung cấp	TCVN 4399-2008
20	Thép các bon cán nóng dùng làm kết cấu trong xây dựng. Yêu cầu kỹ thuật	TCVN 5709-2009
21	Thép tấm kết cấu cán nóng	TCVN 6522-2008
22	Thép tấm kết cấu cán nóng có giới hạn chảy cao	TCVN 6523-2008
23	Thép thanh cốt bê tông – Thử uốn và uốn lại không hoàn toàn	TCVN 6287:1997
24	Thép dùng cho BTCT – Phương pháp thử uốn và uốn lại	TCXD 224-1998
25	Thép hình cán nóng	TCVN 7571:2019
26	Que hàn điện dùng cho thép các bon thấp và thép hợp kim thấp	TCVN 3223-2000
27	Sơn và lớp phủ bảo vệ kim loại – Phương pháp thử trong điều kiện tự nhiên	TCVN 8785:2011
28	Sơn và lớp phủ bảo vệ kim loại – Phương pháp thử mù muối	TCVN 8792 -2011
29	Sơn xây dựng – Phân loại	TCVN 9404-2012
30	Sơn – phương pháp không phá hủy xác định chiều dày màng sơn khô	TCVN 9405-2012

11. Tổng mức đầu tư xây dựng dự án; giá trị các khoản mục chi phí trong tổng mức đầu tư xây dựng:

Tổng mức đầu tư xây dựng dự án: 8.493.917.000 đồng *(Bằng chữ: Tám tỷ bốn trăm chín mươi ba triệu chín trăm mười bảy nghìn đồng)*. Trong đó:

Stt	Khoản mục chi phí	Giá trị phê duyệt
1	Chi phí xây dựng	7.484.897.670 đồng
2	Chi phí quản lý dự án	201.052.668 đồng
3	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	719.635.243 đồng
4	Chi phí khác	88.332.395 đồng
5	Dự phòng phí	0 đồng

12. Thời gian thực hiện dự án: Năm 2026-2027

13. Nguồn vốn đầu tư và dự kiến bố trí kế hoạch vốn theo thời gian thực hiện dự án: Vốn đầu tư công – Nguồn vốn ngân sách Thành phố bổ sung có mục tiêu cho ngân sách xã.

14. Hình thức tổ chức quản lý dự án:

Áp dụng hình thức Chủ đầu tư (Ủy ban nhân dân xã An Thới Đông) thuê tổ chức tư vấn quản lý dự án có đủ điều kiện năng lực hoạt động xây dựng theo quy định để tổ chức quản lý thực hiện dự án. Đơn vị tư vấn được thuê có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ theo phạm vi ủy quyền của Chủ đầu tư và tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành về quản lý dự án đầu tư xây dựng.

15. Các nội dung khác: Không.

Điều 2. Tổ chức thực hiện.

- Chủ đầu tư

- Cùng với các đơn vị Tư vấn lập báo cáo kinh tế kỹ thuật, thẩm tra,... chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về tính chính xác, đầy đủ số liệu khảo sát, thiết kế; thông tin, tài liệu, dữ liệu; vị trí, phạm vi sửa chữa; quy mô, tiến độ; giải pháp kết cấu, thiết kế...; tổng mức đầu tư trong hồ sơ báo cáo kinh tế kỹ thuật và các tài liệu khác có liên quan.

- Hoàn thiện hồ sơ báo cáo kinh tế kỹ thuật đảm bảo đầy đủ nội dung theo quy định của Luật Xây dựng số 135/2025/QH15 và thống nhất nội dung theo quyết định này.

- Tổ chức lựa chọn nhà thầu theo quy định và chịu trách nhiệm trước pháp luật về kết quả lựa chọn nhà thầu.

- Xây dựng kế hoạch thực hiện dự án đến khi hoàn thành; đăng ký kế hoạch vốn theo tiến độ và có giải pháp thực hiện đảm bảo mục tiêu và tiến độ dự án được phê duyệt.

- Tổ chức triển khai thực hiện các công việc tiếp theo đảm bảo đúng trình tự, thủ tục quy định của pháp luật.

- Công khai thông tin về quản lý đầu tư theo quy định của pháp luật phục vụ việc giám sát đầu tư của cộng đồng đảm bảo đúng quy định.

- Thực hiện đầy đủ, chặt chẽ và phù hợp các quy định về quản lý đấu thầu, quản lý chất lượng công trình, quản lý chi phí đầu tư và các nội dung khác của quản lý đầu tư xây dựng công trình; quy chế giám sát đầu tư của cộng đồng; công tác giám sát, đánh giá đầu tư và các quy định khác có liên quan đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả, tránh thất thoát, lãng phí.

- Tổng mức đầu tư được duyệt là cơ sở pháp lý để quản lý chi phí thực hiện dự án, không phải là giá trị thanh, quyết toán. Trong các bước triển khai tiếp theo, Chủ đầu tư tiếp tục rà soát số liệu liên quan và quản lý chặt chẽ chi phí theo đúng quy định.

- Tổ chức, phân công nhân sự quản lý dự án đảm bảo đúng theo quy định tại Nghị định số 217/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ.

- Trong quá trình thi công xây dựng và sử dụng công trình phải có biện pháp đảm bảo vệ sinh môi trường, đảm bảo an toàn cho công trình và công trình lân cận. Đảm bảo công trình sau khi xây dựng đạt yêu cầu về mỹ thuật, kỹ thuật, an toàn trong quá trình sử dụng.

Điều 3. Chánh văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân, Trưởng Phòng Kinh tế, Trưởng phòng Văn hóa – Xã hội xã, Phòng giao dịch số 2 – Kho Bạc Nhà nước Khu vực II, Tổ Quản lý dự án và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Thường trực UBND xã;
- Phòng Kinh tế;
- Lưu: VT, PKT-Sơn.

CHỦ TỊCH

U.B.N.D XÃ AN THỚI ĐÔNG H. CẦN GIỜ TP. HỒ CHÍ MINH

Trần Hoàng Vũ